

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **30/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 01/6/2023
V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Bằng

2. Ông Nguyễn Văn Chậm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Chung -Thư ký Toà án nhân dân huyện T, Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Kiều Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Ngọc A** sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TH, xã THĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

2. **Bị đơn:** Anh **Lê Minh B** sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp HĐ, xã HT, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị **Lê Thị Ngọc A** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B chung sống với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT vào ngày 01/6/2017. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh B hay kiểmk chuyện, không quan tâm chăm sóc vợ con mà còn đánh chị, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nên vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 01/2023 đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Phàm Khánh X sinh ngày 21/3/2018 và Lê Gia Y sinh ngày 05/01/2021. Hiện cháu X và cháu Y đang sống với chị. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu X và cháu Y, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu.

* Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Minh B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị A.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Phàm Khánh X sinh ngày 21/3/2018 và Lê Gia Y sinh ngày 05/01/2021. Hiện cháu X và cháu Y đang sống với chị A. Đồng ý để chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu X và cháu Y, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc A, cho chị A được ly hôn với anh Lê Minh B, giao cháu X và cháu Y cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không xem xét. Chị A phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Chị Lê Thị Ngọc A và anh Lê Minh B vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị A và anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc A và anh Lê Minh B chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã HT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25/2017 ngày 01/6/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị A cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh B hay kiêu chuyệ, không quan tâm chăm sóc vợ con mà còn đánh chị, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 01/2023 đến nay và anh B đồng ý ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị A là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị A được ly hôn anh B.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Ngọc A yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Phạm Khánh X sinh ngày 21/3/2018 và Lê Gia Y sinh ngày 05/01/2021. Xét thấy, hiện cháu X và cháu Y đang sống với chị A, chị A nuôi dưỡng con tốt và anh B đồng ý để chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi của cháu X và cháu Y nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu X và cháu Y cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Do chị A không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị A và anh B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc A.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Lê Thị Ngọc A được ly hôn với anh Lê Minh B.

2. *Về con chung:* Giao con chung là Lê Phạm Khánh X sinh ngày 21/3/2018 và Lê Gia Y sinh ngày 05/01/2021 cho chị Lê Thị Ngọc A được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Lê Thị Ngọc A phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai thu số 0003426 ngày 20/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, chị A đã nộp xong án phí.

4. *Quyền kháng cáo:* Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với chị A và anh B được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi